

Số: **7510**/TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **05** tháng 8 năm 2016

V/v trả lời vướng mắc

Kính gửi: Ông Nguyễn Văn Long.
(*Phòng Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai*)

Tổng cục Hải quan nhận được phiếu chuyển văn bản số 555/PC-TTĐT ngày 1/7/2016 của Cổng Thông tin điện tử Chính phủ chuyển ý kiến của Ông Nguyễn Văn Long, phản ánh vướng mắc liên quan đến hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu được sản xuất, chế biến từ nguyên liệu nhập khẩu. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11, khoản 4 Điều 15 Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ, khoản 5 Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, thì: Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu hoặc xuất vào khu phi thuế quan nếu đã nộp thuế nhập khẩu thì được hoàn thuế tương ứng với tỷ lệ sản phẩm thực tế xuất khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu có đủ điều kiện xác định là được chế biến từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu.

1. Về chứng từ thanh toán

Căn cứ khoản 1 Điều 58 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13, thì hồ sơ hoàn thuế bao gồm văn bản yêu cầu hoàn thuế và các tài liệu liên quan đến yêu cầu hoàn thuế.

Căn cứ khoản 3 Điều 128 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, trường hợp hàng hóa xuất khẩu có đủ điều kiện xác định là được chế biến từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu thuộc đối tượng không phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định thì tại công văn đề nghị không thu thuế xuất khẩu nêu rõ số chứng từ thanh toán đối với trường hợp đã thực hiện thanh toán qua ngân hàng.

Để có cơ sở chứng minh hàng hóa xuất khẩu được sản xuất, chế biến từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu và đã thực xuất khẩu thì tại công văn đề nghị hoàn thuế, không thu thuế doanh nghiệp phải nêu số chứng từ thanh toán đối với nguyên liệu nhập khẩu; số chứng từ thanh toán đối với hàng hóa xuất khẩu (trường hợp đã thực hiện thanh toán qua ngân hàng). Trường hợp người nộp thuế còn nợ chứng từ thanh toán qua ngân hàng tại thời điểm nộp hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế thì hồ sơ thuộc đối tượng kiểm tra trước, hoàn thuế, không thu thuế sau theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 41 Nghị định số

83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, khoản 6 Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

2. Về bảo lãnh thuế đối với hàng xuất khẩu

Căn cứ khoản 3 Điều 128 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, trường hợp hàng hóa xuất khẩu có đủ điều kiện xác định là được chế biến từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu thuộc đối tượng không phải nộp thuế xuất khẩu, tại công văn đề nghị không thu thuế xuất khẩu người nộp thuế phải nêu số tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan. Để tờ khai hoàn thành thủ tục hải quan thì người nộp thuế phải nộp đủ tiền thuế xuất khẩu hoặc phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng về số tiền thuế phải nộp. Cơ quan Hải quan sẽ ra quyết định hoàn thuế, không thu thuế xuất khẩu sau khi kiểm tra và có đủ cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu.

3. Về việc kiểm tra của cơ quan hải quan

Việc kiểm tra đối với hồ sơ thuộc đối tượng kiểm tra trước, hoàn thuế, không thu thuế sau đã được quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; khoản 3, khoản 4 Điều 59, Điều 130 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, theo đó, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định kiểm tra. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý tổ chức thực hiện việc kiểm tra. Việc kiểm tra được thực hiện không quá 05 ngày làm việc tại cơ sở sản xuất, trụ sở của tổ chức, cá nhân. Đối với trường hợp phức tạp, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.

Do đó, việc tiến hành kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ thuộc đối tượng kiểm tra trước, hoàn thuế, không thu thuế sau là một thủ tục bắt buộc theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu tại khoản 7 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 (có hiệu lực từ 1/9/2016) đã quy định nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu.

Tổng cục Hải quan trả lời đề Ông Nguyễn Văn Long được biết, trường hợp tiếp tục có vướng mắc đề nghị Ông liên hệ với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa để được hướng dẫn thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng Thông tin điện tử Chính Phủ (để biết);
- Lưu: VT, TXNK (5b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Dương Thái